

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TN
TỈNH TN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 79/2022/HSST
Ngày 29/4/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Lành

2. Ông Nguyễn Quang Huy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ma Thị Huyền Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lục Quang Đ**, sinh ngày 03/9/1968, tại L.S (Tên gọi khác Lưu Quang Th)

Nơi cư trú trước khi trốn: Tổ 20, thị trấn C.H, huyện Đ.H, tỉnh BT (nay là tổ 06, phường C.H, thành phố TN, tỉnh TN).

- Nơi cư trú hiện nay: Ấp 2, xã Lộ 25, huyện TN, tỉnh ĐN. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/10; nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Lục Quang S, sinh năm 1933 (đã chết), con bà Hoàng Thị S1, sinh năm 1933. Gia đình có 06 anh, em, bị cáo là con thứ 05. Có vợ Võ Thị Th2, sinh năm 1970, có 03 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2003. Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 14/3/1993, Công an huyện Đ.H, tỉnh BT khởi tố về tội “Tổ chức dùng chất ma túy”

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/11/2021 đến nay

(Có mặt tại phiên tòa)

Người làm chứng: Ông Hoàng Phú T1 (Đã chết). Nguyên cán bộ cảnh sát bảo vệ quản lý nơi giam giữ Công an huyện Đ.H, tỉnh TN năm 1993. Địa chỉ xóm G, xã C, thành phố TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 11/3/1993, Công an huyện Đ.H, tỉnh BT phát hiện bắt quả tang tại nhà của Lục Quang Đ (sinh năm 1968, trú tại tổ 20, thị trấn C.H, huyện Đ.H, tỉnh BT) có 03 đối tượng đang có hành vi hút thuốc phiện, gồm Lục Quang Đ, Đỗ Xuân Tr (sinh năm 1966, trú tại tổ 18a, thị trấn C.H, huyện Đ.H, tỉnh BT) và Nguyễn Hải S3 (trú tại thị trấn C.H, huyện Đ.H, tỉnh BT). Trong khi đang lập biên bản tạm giữ thì Đ và S lợi dụng sơ hở của cán bộ Công an đã trốn thoát.

Ngày 14/3/1993, Công an huyện Đ.H ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lục Quang Đ về tội “Tổ chức dùng chất ma túy” theo quy định tại Điều 203 Bộ luật hình sự năm 1985. Ngày 17/3/1993, Đ bị bắt theo Lệnh bắt khẩn cấp của Công an huyện Đ.H. Quá trình điều tra vụ án, Công an huyện Đ.H đã điều tra làm rõ ngoài hành vi tổ chức dùng chất ma túy như nêu trên, ngoài ra Đ đã thực hiện 03 vụ cắt phá dây tải điện vào rạng sáng ngày 11/3/1993 tại Trạm bơm nước mỏ đá N và Ủy ban nhân dân huyện Đ.H. Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được, ngày 18/3/1993, Công an huyện Đ.H đã ra Quyết định khởi vụ án, khởi tố bị can đối với Lục Quang Đ về tội “Phá hủy công trình phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia” theo quy định tại Điều 94 Bộ luật hình sự năm 1985. Đồng thời ra Lệnh tạm giam đối với Đ trong thời hạn 02 tháng, kể từ ngày 18/3/1993 đến ngày 18/5/1993. Ngày 21/5/1993, Công an huyện Đ.H chuyển hồ sơ vụ án “Phá hủy công trình phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia” đến Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh BT để điều tra theo thẩm quyền. Đồng thời chuyển Lục Quang Đ đến Trại Tạm giam Công an tỉnh BT và gia hạn tạm giam đối với Đ trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày 19/5/1993 đến ngày 19/9/1993.

Ngày 24/7/1993, Công an huyện Đ.H trích xuất Lục Quang Đ theo Lệnh của Tòa án nhân dân huyện Đ.H từ Trại tạm giam Công an tỉnh BT về Nhà tạm giữ Công an huyện Đ.H để phục vụ xét xử vụ án “Tổ chức dùng chất ma túy”. Hồi 14 giờ ngày 25/7/1993, ông Hoàng Phú T1 là cán bộ trực ban, bảo vệ và quản lý nơi giam giữ mở cửa buồng giam của Đ để kiểm tra và vệ sinh. Lợi dụng sơ hở của cán bộ trông coi, Đ đã lén lút lén ra ngoài và bỏ trốn khỏi Nhà tạm giữ Công an huyện Đ.H thuộc thị trấn C.H, huyện Đ.H, tỉnh BT (nay là phường C.H, thành phố TN, tỉnh TN).

Ngày 08/10/1993, Công an huyện Đ.H ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Đ về tội “Trốn khỏi nơi giam” theo quy định tại Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1985. Ngày 19/10/1993, Công an huyện Đ.H ra Quyết định truy nã đối với Đ. Ngày 06/11/1993, Công an huyện Đ.H chuyển hồ sơ vụ án Lục Quang Đ “Trốn khỏi nơi giam” đến Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh BT để điều tra. Ngày 15/11/1993, Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh BT ra Quyết định nhập vụ án hình sự Lục Quang Đ “Trốn khỏi nơi giam” với vụ án hình sự “Phá hủy công trình phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia”, gọi chung là vụ án “Phá hủy công trình phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia”. Cùng ngày, Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh BT ra Quyết định tách

vụ án đối với hành vi “Cắt phá dây tải điện” và hành vi “Trốn khỏi nơi giam” của bị can Đ ra khỏi vụ án hình sự nêu trên, đồng thời ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Đ.

Căn cứ Nghị quyết số 422 ngày 18/8/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì từ ngày địa giới hành chính về thành phố TN; Khoản 4 Điều 163 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự. Sau khi xác định vụ án thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố TN. Ngày 29/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN đã ra Quyết định chuyển vụ án hình sự để điều tra theo thẩm quyền đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố TN.

Ngày 13/11/2021, Đ đến Công an quận Ba Đình, thành phố Hà Nội để đầu thú. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TN đã ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án, phục hồi điều tra bị can đối với Đ.

Tại Cơ quan điều tra, Lục Quang Đ khai nhận: Đ biết rõ bản thân bị tạm giam để chờ Tòa án nhân dân huyện Đ.H xét xử về tội “Tổ chức dùng chất ma túy”. Tuy nhiên, vào hồi 14 giờ ngày 25/7/1993, lợi dụng việc cán bộ quản lý nơi giam giữ mở cửa buồng giam để kiểm tra và vệ sinh thì Đ đã lén lút lén ra khỏi buồng giam rồi lập tức bỏ trốn khỏi khuôn viên Nhà tạm giữ Công an huyện Đ.H. Sau khi bỏ trốn, Đ không liên lạc với gia đình. Từ năm 1993 đến năm 1994, Đ sống lang thang tại địa bàn tỉnh BT (nay là tỉnh TN). Từ năm 1994 đến nay, Đ đến sinh sống tại Ấp 2, xã Lộ 25, huyện TN, tỉnh ĐN. Đ tự thay đổi thông tin cá nhân và được cấp chứng minh nhân dân với thông tin như sau:

Họ và tên: Lưu Quang Th Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không; sinh ngày 01 tháng 01 năm 1967, tại C. Nơi cư trú Ấp 2, xã Lộ 25, huyện TN, tỉnh ĐN; Quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm rẫy; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh

Ngày 12/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TN đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh TN giám định đường vân tay đối với: 01 chỉ bản (bản gốc) số 984 do Công an thành phố TN lập ngày 16/11/2021 của người tên Lục Quang Đ, sinh năm 1968, trú tại tổ 6, phường C.H, thành phố TN, tỉnh TN; 02 tờ khai chứng minh nhân dân cùng 01 chỉ bản chứng minh nhân dân cùng có số 271876430 của người có tên Lưu Quang Th, sinh năm 1967, trú tại Ấp 2, xã Lộ 25, huyện TN, tỉnh ĐN (là bản sao do Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh ĐN cung cấp); 01 tờ khai chứng minh nhân dân số 090583381 của người có tên Lục Quang Đ, sinh ngày 03/9/1965; nơi thường trú phường T, thành phố TN, tỉnh BT; nghề nghiệp, đơn vị công tác: Học sinh trường giao thông; họ, tên cha Lục Quang S; họ, tên mẹ Hoàng Thị S1; khai ngày 15/10/1986 (là bản sao do Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh TN cung cấp).

Tại Bản kết luận giám định số 279 ngày 25/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh TN kết luận: Dấu vân tay trong những tài liệu gửi giám định nêu trên là của cùng một người.

Tại bản Cáo trạng số 50/CT-VKSTPTN ngày 03 tháng 3 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN đã truy tố bị cáo Lục Quang Đ (tức Lưu Quang Th) về tội “Trốn khỏi nơi giam” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 245 Bộ

luật hình sự năm 1985. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội quy định “Điều 2 việc áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 thì: ...2. Kể từ ngày Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 (sau đây gọi là Luật số 12/2017/QH14) được công bố, tiếp tục thực hiện các quy định sau đây: ...h) Thực hiện các quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 điều này”.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố.

Trong phần luận tội, tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN tóm tắt nội dung vụ án, phân tích các căn cứ quy kết bị cáo Lục Quang Đ về tội “Trốn khỏi nơi giam”; đánh giá nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Từ đó đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trốn khỏi nơi giam”. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1985. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội quy định “Điều 2 việc áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015, áp dụng khoản 1 Điều 386 BLHS năm 2015 sửa đổi năm 2017 có quy định khung hình phạt từ 06 tháng đến 3 năm để áp dụng xử lý đối với tội phạm theo hướng có lợi cho bị cáo; đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại điểm khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt từ 12 đến 15 tháng tù

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phần tranh luận, bị cáo thừa nhận việc truy tố và xét xử bị cáo về tội “Trốn khỏi nơi giam” là không oan, đúng người, đúng tội. Phần lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố TN, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, và những chứng cứ tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xử có đủ căn cứ kết luận: Hồi 14 giờ ngày 25/7/1993, Lục Quang Đ (là bị can đang bị tạm giam hành vi “Phá hủy công trình phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia” và chờ xét xử về tội “Tổ chức dùng chất ma túy”) đã lợi dụng sơ hở của cán bộ trông coi, lén lút bỏ trốn khỏi Nhà tạm giữ Công an huyện Đ.H thuộc thị trấn C.H, huyện Đ.H, tỉnh BT (nay là phường C.H, thành phố TN, tỉnh TN). Sau đó, Đ đến sinh sống tại Ấp 2, xã Lộ 25, huyện

TN, tỉnh ĐN từ năm 1994 đến nay và tự thay đổi thông tin cá nhân, lấy tên là Lưu Quang Th, sinh ngày 01/01/1967. Ngày 13/11/2021, Đ đến đầu thú tại Công an quận Ba Đình, thành phố Hà Nội và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

[3].Đánh giá của Hội đồng xét xử:

3.1. Bị cáo là người đang bị tạm giam chờ xét xử về tội “Tổ chức dùng chất ma túy” đã lợi dụng sơ hở của cán bộ trông coi, lén lút bỏ trốn khỏi Nhà tạm giữ Công an huyện Đ.H thuộc thị trấn C.H, huyện Đ.H, tỉnh BT (nay là phường C.H, thành phố TN, tỉnh TN). Sau đó, Đ đến sinh sống tại Ấp 2, xã Lộ 25, huyện TN, tỉnh ĐN từ năm 1994 đến nay và tự thay đổi thông tin cá nhân, lấy tên là Lưu Quang Th, sinh ngày 01/01/1967 nhằm thoát khỏi việc bị tạm giữ, trốn tránh việc xử lý hành vi phạm tội của mình; hành vi trên của bị cáo đã đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự. Do bị cáo phạm tội năm 1993 Bộ luật hình sự năm 1985 chưa sửa đổi bổ sung, quá trình điều tra bị cáo đã bỏ trốn đến ngày 13/11/2021 bị cáo đầu thú. Bị cáo bị truy tố tội Trốn khỏi nơi giam theo khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1985 là có căn cứ.

Tuy nhiên năm 2015 Bộ luật hình sự được sửa đổi bổ sung, có hiệu lực năm 2017. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội quy định:

Điều 2: Việc áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 thì:

.....

2. Kể từ ngày Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 (sau đây gọi là Luật số 12/2017/QH14) được công bố, tiếp tục thực hiện các quy định sau đây:

.....

h) Thực hiện các quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 điều này” thì được áp dụng khoản 1 Điều 386 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017 có quy định khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 3 năm để áp dụng xử lý đối với tội phạm theo hướng có lợi cho bị cáo.

Nội dung Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1985 quy định:

“1. Người nào đang bị giam hoặc đang bị dẫn giải mà bỏ trốn thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm”

Nội dung Điều 386 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào đang bị tạm giữ, tạm giam, áp giải, xét xử hoặc chấp hành án phạt tù mà bỏ trốn, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy:

4.1. Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đầu thú, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

4.2. tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

Xét hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội; bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, cố ý thực hiện hành vi phạm tội; xâm phạm đến chế độ tạm giữ, tạm giam làm ảnh hưởng đến quá trình điều tra vụ án của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử xem xét tính chất mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để có một mức án phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo gây ra. Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Đối với hành vi “Phá hủy công trình phương tiện quan trọng về An ninh quốc gia” xảy ra tại khu vực Trạm bơm nước Mỏ đá N và Ủy ban nhân dân huyện Đ.H, tỉnh BT năm 1993 của bị can Lục Quang Đ. Xét thấy, đến nay hành vi này không còn nguy hiểm cho xã hội. Ngày 26/7/2021, Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh TN đã ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự, đình chỉ điều tra bị can đối với Lục Quang Đ về hành vi trên.

Đối với hành vi “Tổ chức dùng chất ma túy” xảy ra ngày 11/3/1993 tại thị trấn C.H, huyện Đ.H, tỉnh BT (nay là phường C.H, thành phố TN, tỉnh TN) của Lục Quang Đ ngày 03/3/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN có Công văn số 37/CV-VKSTPTN gửi đến Phòng 2 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN báo cáo nội dung vụ án Trốn khỏi nơi giam trong đó có nội dung hành vi Tổ chức dùng chất ma túy của Lục Quang Đ chưa được xét xử, quá trình xác minh xác định hiện nay Tòa án nhân dân huyện Đ.H không lưu trữ hồ sơ vụ án trên.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố:

1. Bị cáo Lục Quang Đ (tức Lưu Quang Th) phạm tội “Trốn khỏi nơi giam, giữ”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 386; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lục Quang Đ (tức Lưu Quang Th) 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/11/2021

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà Nước.

3. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Công an thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh TN.
- Bị cáo; NCQLNVLQ
- Lưu HS; Lưu BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thu Huệ

